

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**CHU THÀNH CÔNG**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH  
TƯ PHÁP TỪ THỰC TIỄN HỌC VIỆN TƯ PHÁP**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH**

**Hà Nội, 2018**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**CHU THÀNH CÔNG**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH  
TƯ PHÁP TỪ THỰC TIỄN HỌC VIỆN TƯ PHÁP**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính  
Mã số: 8.38.01.02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
TS. NGUYỄN VĂN THUẬN

**Hà Nội, 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi; các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

**Tác giả luận văn**

**Chu Thành Công**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP</b> .....	8
1.1. Một số khái niệm về quản lý nhà nước .....	21
1.2. Nội dung, hình thức, biện pháp quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp .....	8
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP TƯ PHÁP TẠI HỌC VIỆN TƯ PHÁP</b> .....	21
2.1. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Học viện Tư pháp .....	21
2.2. Thực trạng đào tạo các chức danh tư pháp .....	43
2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp	
<b>Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP</b> .....	50
3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp .....	50
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp .....	52
<b>KẾT LUẬN</b> .....	62
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	64

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề nâng cao quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay là vô cùng bức thiết. Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đặt ra nhiều vấn đề mới trong hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp. Đặc biệt trong hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 tiếp đến là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị chỉ rõ *“Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bộ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bộ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn...”*.

Một số năm gần đây, việc đào tạo một số chức danh tư pháp như Thẩm phán, Kiểm sát viên đã chuyển về Học viện Toà án và Trường Đại học kiểm sát. Ngoài ra mô hình đào tạo của Học viện Tư pháp cũng có sự thay đổi về cả giáo trình, chương trình đào tạo.

Trong những năm vừa qua, hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp cũng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cung cấp nguồn Thẩm phán, nguồn Kiểm sát viên, Luật sư... đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Tuy vậy bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế nhất định, các văn bản về quản lý còn ít, quy trình thủ tục quản lý, kiểm tra và đánh giá các mặt của hoạt động đào tạo còn hạn chế...vấn đề quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp có sự phân hóa, phân định cho các cơ sở đào tạo dẫn đến cần sự mở rộng thêm về quy mô quản lý, điều hành...không còn tập trung cho một cơ sở đào tạo nhất định.

Nhìn nhận từ góc nhìn quản lý nhà nước liên quan đến đào tạo các chức danh tư pháp trong điều kiện hiện nay, học viên đã lựa chọn đề tài “**Quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp từ thực tiễn Học viện Tư pháp**” để làm đề tài nghiên cứu cho mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Qua khảo sát và đánh giá, đến nay học viên nhận thấy chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ về quản lý nhà nước trong hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp. Tuy nhiên qua tìm hiểu cũng có một số công trình nghiên cứu có liên quan tới chủ đề của luận văn.

Các đề tài nghiên cứu về quyền lực nhà nước: Cải cách tư pháp trong tổ chức quyền lực nhà nước, GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, số 25/2009; các tác giả đã phân tích các cơ sở lý luận và thực tiễn về quyền lực nước, về nhà nước pháp quyền nói chung và về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các công trình nghiên cứu; Trong các công trình nghiên cứu này vấn đề về quyền lực nhà nước, vị trí của các chủ thể đã được tác giả phân tích làm nổi bật, qua đó học viên nhận thức được rõ hơn những vấn đề lý luận về tổ chức hoạt động về đào tạo các chức danh tư pháp và bộ máy nhà nước của một số nước trên thế giới.

Bùi Nguyên Khánh (chủ nhiệm đề tài, 2010), Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp bộ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong giai đoạn từ nay cho đến năm 2020, Viện Nhà nước pháp luật.

Các đề tài liên quan đến cải cách tư pháp và một số đề tài khoa học cấp bộ có liên quan:

*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền* của GS.TSKH. Lê Cẩm và TS. Nguyễn Ngọc Chí (đồng chủ biên),

Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.

*Cải cách tư pháp ý nghĩa, mục đích và trọng tâm của GS.TSKH. Đào Trí Úc, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2003;*

*Tòa án và vấn đề cải cách tư pháp của tác giả Phạm Văn Hùng, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 135/2006.*

*Đổi mới tổ chức và hoạt động của TAND ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Luận án Tiến sỹ Luật học của Lê Thành Dương, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, 2002;*

*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng đội ngũ cán bộ Tư pháp trong sạch, vững mạnh, mã số: KHBD (1999) - 19.*

Bộ Tư pháp (2008), *Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức tư pháp địa phương. Đề tài khoa học cấp bộ.*

Bộ Tư Pháp, *Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng môn đạo đức nghề nghiệp tư pháp cho các chức danh tư pháp* (2004); *Đào tạo cán bộ pháp luật có trình độ cao phục vụ cho việc hội nhập quốc tế của Việt Nam* (2006); *Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức tư pháp địa phương* (2007); *Cơ sở lý luận thực tiễn xây dựng tập hệ thống hóa các vụ án điển hình dùng làm tài liệu cho công tác đào tạo các chức danh tư pháp* (2008); *Hoàn thiện phương pháp đào tạo các chức danh tư pháp* (2009).

Cơ quan tư pháp trong bộ máy nhà nước đang chuyển đổi: góp một cách nhìn nhận và kiến nghị cải cách” của Phạm Duy Nghĩa năm 2011. Tham luận tại hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW.

Tạp chí Cộng sản số 16, tháng 8/1997; bài viết của tác giả Phan Hữu Thư, “*Yếu tố nào tạo nên đạo đức nghề nghiệp Thẩm phán?*”, Lê Mai Anh và Phạm Như Hưng, “*Mô hình tuyển dụng – đào tạo Thẩm phán hiện nay của một số*

*quốc gia và Việt Nam, nhìn từ góc độ so sánh*”, Tạp chí Nghề luật, số 4/2009, trình bày sơ lược về mô hình tuyển chọn và đào tạo Thẩm phán ở 6 nước khác nhau (Bỉ, Tây Ban Nha, Hà Lan, Italia, Nhật Bản), hoạt động đào tạo nâng cao cho Thẩm phán, công tố viên ở Học viện Tư pháp Đức của tác giả Nguyễn Thị Hằng Nga và Nguyễn Trường Thiệp, Tạp chí Nghề Luật, số 4/2015.

Học viện Tư pháp (2004), Xây dựng chương trình đào tạo kiểm sát viên – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Đề tài khoa học cấp cơ sở.

Học viện Tư pháp (2004), Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng môn đạo đức nghề nghiệp tư pháp cho các chức danh tư pháp, Đề tài khoa học cấp bộ.

Học viện Tư pháp (2006), Đào tạo các chức danh tư pháp phục vụ công cuộc cải cách tư pháp, Đề tài khoa học cấp cơ sở.

Học viện Tư pháp (2009), Hoàn thiện phương pháp đào tạo các chức danh tư pháp, Đề tài khoa học cấp bộ.

### ***Một số đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài của học viện***

Nghiên cứu các công trình có liên quan đến đề tài quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp từ thực tiễn Học viện Tư pháp học viên có một số đánh giá:

Tính thời sự của các công trình không nhiều, các công trình đa phần chủ yếu được thực hiện trước khi có Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Số lượng các đề tài nghiên cứu liên quan về quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam còn hạn chế về số lượng...

Xuất phát từ sự hình thành và phát triển của Học viện Tư pháp, đề tài của học viên hướng tới nghiên cứu đến các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp và những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, trên cơ sở bối cảnh của Học viện Tư pháp trong giai đoạn hiện



nay công tác quản lý nhà nước đối với các chức danh tư pháp, cụ thể hóa từ thực tiễn Học viện Tư pháp trải qua từng thời kỳ phát triển và thực hiện nhiệm vụ đào tạo cho ngành toà án, ngành kiểm sát, ngành tư pháp... đóng góp công sức lớn tạo nguồn nhân lực tư pháp chất lượng cho các ngành, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do nhân dân, vì nhân dân.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn: Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý về đào tạo các chức danh tư pháp, các yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp đến công tác quản lý... các quy định của pháp luật có liên quan. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, chỉ ra được những hạn chế và nguyên nhân từ đó đưa ra được các giải pháp nâng cao quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

Nhiệm vụ của luận văn: Làm rõ được về quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp; phân tích thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp từ đó đưa ra được những thành tựu, kết quả, hạn chế và nguyên nhân.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu:*

Những quy định của pháp luật liên quan đến quản lý đào tạo các chức danh tư pháp từ thực tiễn Học viện Tư pháp

*Phạm vi nghiên cứu:*

Nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp từ thực tiễn Học viện Tư pháp

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

### *Cơ sở lý luận:*

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua các Nghị quyết của Đảng trong công tác đào tạo và bồi dưỡng các chức danh tư pháp của Nhà nước.

### *Phương pháp nghiên cứu:*

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp; quy nạp; diễn dịch; khái quát hóa, phương pháp Logic và lịch sử...

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Luận văn góp phần hoàn thiện làm rõ một số vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn về vị trí, vai trò quản lý của nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

Đánh giá những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của các thành tựu trong hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

Trên cơ sở thực trạng, phương hướng về quản lý đào tạo các chức danh tư pháp, luận văn đã đề ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp trong thời gian tới phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy; tham khảo trong hoạt động thực tiễn của các ngành đào tạo liên quan đến đào tạo các chức danh tư pháp.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp tại Học viện Tư pháp.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP

### 1.1. Một số khái niệm quản lý nhà nước

Quản lý là yếu tố không thể thiếu được trong đời sống xã hội. Xã hội phát triển càng cao thì vai trò của quản lý càng lớn, phạm vi càng rộng và nội dung càng phức tạp.

Theo C. Mác “quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất của quá trình lao động”

C. Mác đã coi “quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động”, đặc biệt ông còn nhấn mạnh thêm và khẳng định “Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít hay nhiều cũng cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ cơ thể sản xuất khác với sự vận động của những khí quan độc lập của nó. Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng” [*Mác – Ăng ghen toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 1993, Tập 23, tr. 480]

Luận điểm trên của C. Mác có thể áp dụng với mọi hoạt động chung của con người trong xã hội.

Lê Nin cũng đã từng viết và khẳng định vấn đề này “Muốn quản lý tốt mà chỉ biết thuyết phục không thôi thì chưa đủ, mà còn phải biết tổ chức về mặt thực tiễn nữa” [*Lê Nin tuyển tập*, Nxb. Tiến bộ Matxcova, tr.473]

*Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm chỉ huy, điều hành, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi*

*của cá nhân hướng đến mục đích hoạt động chung và phù hợp với quy luật khách quan nhất.*

Có thể nói một cách tổng quát, quản lý được xem là quá trình “tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định”, đó là sự kết hợp giữa tri thức và lao động trên phương diện điều hành. Ở góc độ chính trị, quản lý được hiểu là hành chính, là cai trị; Ở góc độ xã hội học, quản lý là điều hành, điều khiển, chỉ huy. Tuy nhiên dù có tiếp cận ở góc độ nào đi chăng nữa thì quản lý vẫn phải dựa trên cơ sở, nguyên tắc đã được định sẵn và nhằm đạt được hiệu quả của việc quản lý, đó là mục đích cuối cùng của quản lý.

*Quản lý nhà nước:*

Quản lý nhà nước ra đời cùng với sự xuất hiện của nhà nước, là sự quản lý của nhà nước đối với xã hội và công dân.

Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước được hiểu là phần quản lý nhà nước do nhà nước thực hiện thông qua bộ máy nhà nước, trên cơ sở quyền lực nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ và chức năng của nhà nước. Theo cách hiểu trên, quản lý nhà nước gồm 4 (bốn) hoạt động:

Hoạt động lập pháp và giám sát sự thi hành pháp luật, hoạt động này thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Hoạt động chấp hành luật và tổ chức thực hiện quản lý hành chính. Hoạt động này do Chính phủ và hệ thống cơ quan quản lý hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động kiểm soát do Viện kiểm sát thực hiện.

Hoạt động xét xử, hoạt động này do hệ thống Tòa án nhân dân thực hiện.

Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước được hiểu đồng nghĩa với khái niệm quản lý hành chính nhà nước.

Quản lý nhà nước do ba hệ thống cơ quan quyền lực phối hợp tiến hành “cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp”.

Có thể nói, quản lý nhà nước là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước, chủ yếu bằng pháp luật tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước. Như vậy tất cả các cơ quan nhà nước đều thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Chủ thể của quản lý nhà nước là các tổ chức hay cá nhân mang quyền lực nhà nước trong quá trình tác động tới đối tượng quản lý. Chủ thể quản lý nhà nước bao gồm: Nhà nước, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân được nhà nước ủy quyền thực hiện việc quản lý nhà nước.

Khách thể của quản lý nhà nước là trật tự quản lý nhà nước. Trật tự quản lý nhà nước do pháp luật quy định.

Quản lý nhà nước là sự tác động lên một hệ thống nào đó với mục tiêu đưa hệ thống đó đến trạng thái đạt được. Quản lý là một phạm trù xuất hiện trước khi có Nhà nước với tính chất là một loại lao động xã hội hay lao động chung được thực hiện ở quy mô lớn. Quản lý được phát sinh từ lao động, không tách rời với lao động và bản thân quản lý cũng là một loại hoạt động lao động.

Như vậy, quản lý xã hội không phải là sản phẩm của sự phân chia quyền lực mà là sản phẩm của sự phân công lao động nhằm liên kết và phối hợp hoạt động chung của con người. Là một phạm trù gắn liền với sự xuất hiện của Nhà nước, quản lý nhà nước ra đời với tính chất là hoạt động quản lý xã hội. Quản lý nhà nước, hiểu theo nghĩa rộng, được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước. Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước là hoạt động chấp hành và điều hành được đặc trưng bởi các yếu tố có tính tổ chức; được thực hiện trên cơ sở và để thi hành pháp luật; được bảo đảm thực hiện chủ yếu bởi hệ

thống các cơ quan hành chính nhà nước hoặc một số tổ chức xã hội trong trường hợp được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước. Quản lý nhà nước cũng là sản phẩm của việc phân công lao động nhằm liên kết và phối hợp các đối tượng bị quản lý.

### *Quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp*

Đào tạo các chức danh tư pháp là quá trình trang bị một cách có hệ thống về kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ làm nguồn để bổ nhiệm vào vị trí các chức danh tư pháp.

Đào tạo các chức danh tư pháp có mục đích nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, kỹ năng giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của hệ thống các cơ quan tư pháp từ đó làm nguồn để bổ nhiệm vị trí các chức danh đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ của hệ thống cơ quan tư pháp.

Xuất phát từ hệ thống giáo dục, theo từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, Trung tâm từ điển học “Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra” [88, tr.739]. Từ định nghĩa giáo dục trên cho thấy, về bản chất, giáo dục là quá trình truyền đạt và tiếp thu những kinh nghiệm lịch sử xã hội của các thế hệ loài người. Về hoạt động, giáo dục là quá trình tác động đến đối tượng giáo dục để hình thành cho họ những phẩm chất, nhân cách. Khác với giáo dục, đào tạo là “làm cho trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định” [88, tr.298]. Đào tạo được xem là quá trình tác động đến con người làm cho người đó lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo... một cách hệ thống, nhằm chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công lao động nhất định. Như vậy, khái niệm đào tạo có nghĩa hẹp hơn khái niệm giáo dục, thường đào tạo đề cập đến giai đoạn sau, khi một

người đã đạt đến một độ tuổi nhất định, có một trình độ nhất định.

Từ phân tích quan niệm khác nhau về đào tạo trên cho thấy, đào tạo có các đặc điểm sau:

Đào tạo được xác định như là quá trình làm biến đổi hành vi con người một cách có hệ thống, thông qua việc học tập, việc học tập này có được là kết quả của việc giáo dục, hướng dẫn, phát triển và lĩnh hội kinh nghiệm một cách có kế hoạch.

Đào tạo là một quá trình dạy và học có hệ thống, được tổ chức theo một quy trình cụ thể, với những bước đi thích hợp, có nội dung chương trình và yêu cầu đặt ra đối với giảng viên, học viên theo từng giai đoạn, được đánh giá qua các bài giảng, sự tiếp thu, các bài kiểm tra, thi tốt nghiệp. Đào tạo là quá trình làm cho người học trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định đã đề ra. Như vậy, đào tạo chính là việc tổ chức và thực hiện một quá trình cho người học, làm tăng giá trị của nguồn lực con người. Đào tạo tác động đến con người trong tổ chức làm cho họ có thể làm việc tốt hơn, cho phép họ sử dụng các khả năng, tiềm năng vốn có, phát huy tối đa năng lực trong hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu của đào tạo nhằm phát triển năng lực và nâng cao năng lực công tác của người được đào tạo; giúp cho họ tiếp nhận được tri thức, kỹ năng để họ có thể đáp ứng được nhu cầu nhân lực trong tương lai của cơ quan, đơn vị; giảm thiểu được thời gian học tập, tiếp cận với công việc mới do yêu cầu mới về nhiệm vụ sẽ được giao (thuyên chuyển, đề bạt, thay đổi nhiệm vụ), đảm bảo cho người được đào tạo có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Các yếu tố của quá trình đào tạo tác động qua lại với nhau tạo nên một chỉnh thể thống nhất, trên cơ sở đó làm biến đổi về chất sau quá trình học tập



của người học, làm cho người học nâng cao trình độ, năng lực, đáp ứng được yêu cầu đặt ra, trang bị những phương pháp, kỹ năng tạo nền móng để tiếp tục tiếp thu và vận dụng những kiến thức mới.

Như vậy, đào tạo có thể được xác định như là quá trình biến đổi hành vi của con người một cách có hệ thống thông qua hành vi học tập và nghiên cứu lĩnh hội tri thức, kỹ năng. Quá trình học tập này có được là kết quả của việc hướng, phát triển, lĩnh hội kinh nghiệm một cách có kế hoạch, tác động đến con người làm cho người đó lĩnh hội, nắm vững tri thức, kỹ năng một cách có hệ thống đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của bản thân và sự phát triển của xã hội.

Từ những khái niệm và quan điểm nêu trên có thể đưa ra khái niệm quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp như sau:

Quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các hoạt động đào tạo chức danh tư pháp, do các cơ quan quản lý của nhà nước tiến hành để thực hiện việc đào tạo nguồn cán bộ để bổ nhiệm vào chức danh tư pháp trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

### ***1.2. Nội dung, hình thức, biện pháp quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp***

Từ những Khái niệm về quản lý nhà nước và quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp có thể nhận thấy quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp có những yếu tố sau:

*Về chủ thể:* Chủ thể quản lý nhà nước về đào tạo là các cơ quan quyền lực nhà nước. Như vậy chủ thể quản lý nhà nước về quản lý đào tạo các chức danh tư pháp là các cơ quan được tổ chức và thực hiện nhiệm vụ theo quy

định của Hiến pháp và pháp luật nhằm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp

*Về đối tượng:* Đối tượng của quản lý nhà nước về đào tạo là mọi hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp trong phạm vi cả nước. Thực hiện quản lý quá trình đào tạo từ tổ chức bộ máy, văn bản quản lý, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát, đánh giá quá trình đào tạo các chức danh trong phạm vi toàn quốc. Từ đó đề ra các mục tiêu, nội dung chương trình và yêu cầu đặt ra đối với kết quả đào tạo các chức danh theo từng giai đoạn cụ thể ... Sản phẩm của quá trình đào tạo là làm cho người học trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định đã đề ra làm nguồn bổ nhiệm cho các vị trí chức danh tư pháp trong hệ thống các cơ quan. Sản phẩm của quá trình đào tạo chính là việc tổ chức và thực hiện một quá trình cho người học, làm tăng giá trị nguồn lực vốn có của con người, cho họ có thể làm việc tốt hơn, cho phép họ sử dụng các khả năng, tiềm năng vốn có, phát huy tối đa năng lực trong hoạt động nghề nghiệp ở các vị trí và môi trường làm việc khác nhau.

Mục tiêu của quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp là đào tạo nguồn cán bộ để bổ nhiệm phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. mục tiêu của quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh nhằm phát huy năng lực và nâng cao năng lực công tác của người được đào tạo; giúp cho họ tiếp nhận được kỹ năng nghề nghiệp để họ có thể đáp ứng được nhu cầu của cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp là quản lý theo các lĩnh vực do vậy nó mang đầy đủ các nội dung quản lý theo nghĩa rộng nhất. Những nội dung cơ bản của hoạt động quản lý đào tạo này tùy theo thẩm quyền và phạm vi đối tượng được phân cấp quản lý và tổ chức đào tạo các chức danh tư pháp.

Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp. Các văn bản qui phạm pháp luật là phương tiện quản lý công tác đào tạo các chức danh và cũng là tiêu trí để đánh giá trong quá trình thực hiện đào tạo. Để quản lý công tác đào tạo các chức danh tư pháp cần có nhiều biện pháp nhưng ban hành văn bản qui phạm pháp luật và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn...

Ban hành văn bản qui phạm nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong vấn đề đào tạo các chức danh tư pháp đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Văn bản qui phạm pháp luật về đào tạo các chức danh tư pháp là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, giảng viên tham gia vào hoạt động quản lý và hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp...

Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật về đào tạo các chức danh tư pháp liên quan đến toàn hệ thống các cơ quan tổ chức có liên quan, các cơ quan, đơn vị... Đồng thời số lượng và phạm vi điều chỉnh của các văn bản ngày càng rộng và phức tạp do vậy việc ban hành và tổ chức thực hiện cần có những yêu cầu nhất quán, cụ thể.

Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản qui phạm quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp trong mọi trường hợp đều phải phù hợp với tinh thần, nội dung và mục đích của công tác đào tạo theo định hướng cụ thể.

Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật này phải được tiến hành theo đúng quy trình, trình tự, thủ tục đúng quy định.

Phải có báo cáo về việc thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật về quản lý đào tạo các chức danh tư pháp theo đúng quy định, đảm bảo thống nhất, phù hợp với hiệu quả của công tác đào tạo các chức danh đó.

Đi đôi với việc ban hành các văn bản qui phạm về quản lý là việc chấp hành và áp dụng các qui phạm pháp luật về đào tạo các chức danh tư pháp.

Việc áp dụng các văn bản qui phạm pháp luật lấy chấp hành làm tiền đề, nhưng đôi khi việc chấp hành phải được biểu hiện cụ thể bằng việc áp dụng các qui phạm pháp luật về đào tạo các chức danh đó. Các cấp có thẩm quyền cần ban hành cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy động viên, khuyến khích các cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp từ đó sẽ có những đóng góp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo các chức danh.

#### *Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp*

Để triển khai thực hiện công tác đào tạo các chức danh tư pháp có hiệu quả cao thì phải có hệ thống tổ chức đào tạo hợp lý, có cơ chế hoạt động rõ ràng và có đội ngũ làm công tác đào tạo quản lý có trình độ năng lực đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ của công tác đào tạo các chức danh tư pháp trong thời kỳ hiện nay.

Xây dựng kế hoạch và hướng dẫn thực hiện kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp.

Trên cơ sở các văn bản pháp luật quy định về hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp. Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện qui hoạch cán bộ (những đối tượng nằm trong nguồn bổ nhiệm để cử đi học) và xây dựng kế hoạch đào tạo, chỉ tiêu đào tạo các chức danh hàng năm, từng giai đoạn cụ thể.

Lập kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp cụ thể là chương trình hoạt động đào tạo cụ thể và thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp. Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, công tác đào tạo được tổ chức triển khai thực hiện. Kế hoạch là cơ sở của việc kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp đó.

### *Quản lý nội dung chương trình đào tạo các chức danh tư pháp*

Quản lý chương trình đào tạo các chức danh tư pháp là một nội dung vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo là cơ sở đánh giá trong việc ban hành các chương trình đào tạo. Nội dung chương trình đào tạo các chức tư pháp phải đảm bảo trang bị cho người học (học viên) kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để có thể thực hiện nhiệm vụ được giao khi được bổ nhiệm vào vị trí công việc nhất định.

Xây dựng đội ngũ giảng viên và công chức, cán bộ quản lý đào tạo các chức danh tư pháp. Đội ngũ giảng viên là một trong những yếu tố quan trọng mang tính quyết định chất lượng đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo trong việc tổ chức hoạt động đào tạo. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao phải được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo các chức danh tư pháp. Giảng viên nói chung phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kinh nghiệm thực tiễn và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phương pháp sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao...

Song song với việc xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện giảng dạy, chương trình đào tạo các chức danh tư pháp cần phải xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo có chất lượng, đây cũng là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong việc hỗ trợ cho hoạt động đào tạo được thông suốt, hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu, kế hoạch đào tạo các chức danh đã được đề ra.

### *Quản lý chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp*

Chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp ngoài sản phẩm đánh giá đầu ra còn phải đánh giá cả chất lượng đầu vào vì ở đây môi trường của người học đến từ nhiều mức độ khác nhau. Chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp phải gắn liền với tiêu chuẩn công chức nói chung, tiêu chuẩn của các chức

danh tư pháp nói riêng. Tiêu chuẩn của các chức danh tư pháp là những qui định về chức trách nhiệm vụ, trình độ hiểu biết để được bổ nhiệm vào một vị trí chức danh tư pháp...

Chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp gắn liền với yếu tố:

Khuôn khổ quản lý, mục đích và nội dung chương trình đào tạo, giảng viên, phương pháp kiểm tra đánh giá, cán bộ quản lý thực hiện công tác quản lý đào tạo, tiêu chí đánh giá. Tiêu chuẩn phải được xây dựng dựa trên các kết quả vững chắc của khoa học quản lý và kinh nghiệm thực tế để nhằm đạt được lợi ích tối ưu nhất cho quá trình quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị - TW đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết số 08 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong đó có cải cách tư pháp. để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, việc nâng cao số lượng và chất lượng của đội ngũ các chức danh tư pháp cũng như việc xây dựng và hoàn thiện hệ tiêu chuẩn chức danh tư pháp là một vấn đề cấp bách được đặt ra.

Với mục tiêu chuẩn hoá đào tạo và bổ nhiệm các chức danh tư pháp; xây dựng chương trình giáo trình đào tạo, bảo đảm các học viên khi tốt nghiệp phải có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và nắm vững kiến thức pháp luật, từ đó cụ thể hoá các tiêu chuẩn của chức danh tư pháp theo hướng cán bộ có chức danh tư pháp phải có trình độ đại học luật và được đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp tư pháp theo chức danh kèm theo tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức nghề nghiệp.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định phương châm “ Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo

vệ vững chắc tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính”. Như vậy, Đảng ta đã đặt ra yêu cầu hết sức rõ ràng về mối liên hệ giữa các nhánh quyền lực, nếu chỉ cải cách một nhánh quyền lực thôi thì cũng sẽ không hiệu quả không đạt kết quả cao.

Như vậy, có thể nói quản lý nhà nước về đào tạo về đào tạo các chức danh tư pháp là khâu quan trọng và then chốt nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi trong hoạt động cải cách tư pháp mà Đảng và Chính phủ đã đề ra.

## **Tiểu kết chương**

Việc nghiên cứu lý luận về quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra những giải pháp hoàn thiện các văn bản quản lý nhà nước về đào tạo, đưa ra được các yêu cầu trong công tác phối hợp của các Bộ, Ngành trong việc quản lý và đào tạo các chức danh tư pháp.

Quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp là hoạt động quản lý trong đó nội dung quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp được cấu thành bởi nhiều yếu tố như; văn bản qui phạm pháp luật về quản lý nhà nước về quản lý đào tạo, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, xây dựng và hướng dẫn thực hiện qui hoạch, kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp; quản lý nội dung chương trình đào tạo từ đó xây dựng đội ngũ giảng viên và công chức, cán bộ quản lý đào tạo các chức danh và quản lý chất lượng đào tạo. Đây là những yếu tố hết sức quan trọng cần thiết, nó tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.



## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP TƯ PHÁP TẠI HỌC VIỆN TƯ PHÁP**

#### **2.1. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Học viện Tư pháp**

Nhằm mục tiêu thống nhất việc đào tạo các chức danh tư pháp về một đầu mối, đồng thời chuẩn bị về mặt nhận thức và chuẩn bị các điều kiện để thực hiện việc luân chuyển cán bộ tư pháp, tiến tới tạo mặt bằng chung về kiến thức và nghiệp vụ các chức danh tư pháp, đặc biệt là thẩm phán – luật sư – kiểm sát viên, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg ngày 25/02/2004 thành lập Học viện Tư pháp trên cơ sở Trường đào tạo các chức danh tư pháp. Theo Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg, Học viện là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động theo Điều lệ trường đại học, có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nghiệp vụ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho chấp hành viên, công chứng viên, luật sư và cán bộ có chức danh tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp; nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chức danh tư pháp; hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong việc đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Lúc này Học viện Tư pháp đã là một mô hình đào tạo tập trung năng lực đào tạo của toàn ngành tư pháp về một đầu mối, tạo điều kiện cho việc thống nhất các chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo các chức danh tư pháp theo những tiêu chuẩn khắt khe về nghề nghiệp và đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi của xã hội dân chủ.

Thực hiện Nghị quyết 49/2005/NQ-TW, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 phê duyệt đề án “Xây dựng Học

viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”, Học viện được giao thêm nhiệm vụ đào tạo thẩm tra viên thi hành án dân sự, thư ký thi hành án dân sự, trọng tài viên, trợ giúp viên pháp lý, hộ tịch viên, đăng ký viên giao dịch bảo đảm, thừa phát lại; đào tạo chung nguồn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư; mở rộng hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ làm công tác pháp luật của các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

### *2.1.1. Vị trí, vai trò của Học viện Tư pháp*

Học viện Tư pháp là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động theo Điều lệ trường đại học.

Học viện Tư pháp là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu hình quốc huy, có tài khoản riêng, có trụ sở tại thành phố Hà Nội và cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đào tạo nghiệp vụ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các chức danh tư pháp khác;

Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho chấp hành viên, công chứng viên, luật sư và cán bộ có chức danh tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp;

Nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chức danh tư pháp;

Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong việc đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Tùy theo yêu cầu và đòi hỏi của thực tế, Học viện Tư pháp có thể được cơ quan có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ mới.

### *2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện Tư pháp*

*a. Chức năng của Học viện Tư pháp*

Đào tạo nghiệp vụ xét xử, nghiệp vụ kiểm sát, nghiệp vụ thi hành án dân sự, nghề luật sư, nghề công chứng, nghề đấu giá và các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp cho các đối tượng đã có bằng cử nhân luật chuyên ngành phù hợp chức danh đào tạo (đào tạo sau đại học);

Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho các chức danh tư pháp, bộ trợ tư pháp, công chức viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp và các đối tượng khác theo nhu cầu xã hội;

Nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp và nhu cầu xã hội;

Tư vấn pháp luật...

*b. Nhiệm vụ quyền hạn của Học viện Tư pháp*

Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch công tác dài hạn, 05 (năm) và hàng năm của Học viện; tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Ngành Tư pháp.

Chủ trì, tham gia xây dựng các đề án, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp để Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao.

Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của Học viện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Tư pháp.

*Tổ chức các hoạt động đào tạo bao gồm:*

Đào tạo nghiệp vụ xét xử, nghiệp vụ kiểm sát, nghiệp vụ thi hành án dân sự, nghề luật sư, nghề công chứng, nghề đấu giá và các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp (thẩm tra viên thi hành án dân sự, thư ký thi hành án dân sự, trợ giúp viên pháp lý, đăng ký viên giao dịch bảo đảm, thừa phát lại, thư ký thừa phát lại, công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp, trọng tài viên, quản tài viên và các chức danh khác theo quy định của pháp luật), đào tạo chung nguồn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư (khi được giao nhiệm vụ);

Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và cập nhật kiến thức mới cho các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp và công chức, viên chức Ngành Tư pháp;

Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo và quản lý học viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện tốt mục tiêu đào tạo toàn diện cho học viên.

Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành giáo trình, sách tham khảo, Tạp chí Nghề luật, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của Học viện theo quy định pháp luật.

Đảm bảo chất lượng đào tạo; tổ chức tự đánh giá chất lượng đào tạo theo quy định pháp luật.

Cấp văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển kết quả nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và phục vụ hoạt động của ngành Tư pháp.

Hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn pháp luật và nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Bộ Tư pháp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện.

Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, tư liệu, thư viện và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Tổ chức hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện.

Thực hiện chế độ tài chính, kế toán của Học viện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Tư pháp.

Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị của Học viện theo quy định của pháp luật

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Tư pháp.

Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Tư pháp.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của Học viện; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Thực hiện chế độ thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các lĩnh vực, nhiệm vụ thuộc phạm vi chức năng của Học viện theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng nếp sống văn hóa và môi trường sư phạm trong Học viện.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao.

### *2.1.3. Khái niệm, đặc điểm, nội dung đào tạo các chức danh tư pháp*

Khái niệm các chức danh tư pháp thuộc phạm vi đào tạo của Học viện Tư pháp

Chức danh tư pháp là khái niệm chỉ người thực thi nhiệm vụ trong các cơ quan tư pháp được đào tạo các kỹ năng thực hành nghề và hành nghề theo một chuyên môn nhất định; có danh xưng được bổ nhiệm hoặc thừa nhận theo pháp luật khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện xác định theo quy định của pháp luật; gián tiếp thực hiện quyền lực nhà nước; khi thực hiện quyền lực nhà nước, có các quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Chức danh tư pháp thực hiện chuyên môn đặc biệt theo quy định của pháp luật, trên cơ sở pháp luật và những sự kiện pháp lý xảy ra thì các chức danh tư pháp phải có tính chuyên môn nghiệp vụ sâu am hiểu về pháp luật;

Chức danh tư pháp có quyền và nghĩa vụ theo luật định từ đó làm cơ sở cho việc thực thi nhiệm vụ;

Chức danh tư pháp còn là hoạt động duy trì công lý, bảo vệ pháp luật hoạt động trung tâm là hoạt động phán xử - đánh giá về mặt pháp lý trên cơ sở hoạt động tìm kiếm, xác định và minh định những sự kiện xảy ra để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và nhà nước;

Các hoạt động của các chức danh tư pháp tuân theo một quy trình luật định thể hiện ở chỗ theo một quy trình, thủ tục pháp lý đa dạng nhưng rõ ràng, minh bạch và công khai;

Hoạt động của các chức danh tư pháp có thể làm thay đổi hoặc chấm dứt các mối quan hệ pháp luật nó cũng là hành vi là các văn bản pháp lý có giá trị buộc các chủ thể khác tôn trọng và thi hành.

Thực tế từ khi thành lập đến nay, Học viện Tư pháp đã đào tạo nghiệp vụ xét xử, nghiệp vụ kiểm sát, nghiệp vụ thi hành án dân sự, nghề luật sư, nghề công chứng, nghề đấu giá và các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp (thẩm tra viên thi hành án dân sự, thư ký thi hành án dân sự, trợ giúp viên pháp lý, đăng ký viên giao dịch bảo đảm, thừa phát lại, thư ký thừa phát lại, công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp, ...), đào tạo chung nguồn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư.

#### *Đặc điểm, nội dung đào tạo các chức danh tư pháp*

Đào tạo được xem là quá trình tác động đến con người làm cho người đó lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng... một cách hệ thống, nhằm chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công lao động nhất định. Đào tạo có nghĩa hẹp hơn so với khái niệm giáo dục “Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra”, đào tạo thường được đề cập đến giai đoạn sau khi một người đã đạt đến một độ tuổi nhất định, có một trình độ nhất định...

Theo một số nhận định của các nước trên thế giới như Ủy ban nhân lực Anh đã đưa ra định nghĩa: “Đào tạo được xác định là một quá trình có kế hoạch làm biến đổi thái độ, kiến thức hoặc kỹ năng thông qua việc học tập rèn luyện để làm việc có hiệu quả trong một hoạt động hay trong một loạt các hoạt động nào đó. Mục đích của nó, xét theo tình hình công tác ở cơ quan là phát triển nâng cao năng lực cá nhân và đáp ứng nhu cầu nhân lực hiện tại và

tương lai của cơ quan”.

Trên cơ sở một số nhận định trên có thể nói đào tạo có các đặc điểm sau:

Đào tạo được xác định như là quá trình làm biến đổi hành vi con người một cách có hệ thống, thông qua việc học tập, việc học tập này có được là kết quả của việc giáo dục, hướng dẫn, phát triển và lĩnh hội kinh nghiệm một cách có kế hoạch.

Đào tạo là một quá trình dạy và học có hệ thống, được tổ chức theo một quy trình cụ thể, có nội dung chương trình và yêu cầu đặt ra đối với giảng viên, học viên theo từng giai đoạn... Đào tạo là quá trình làm cho người học trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định đã đề ra. Như vậy, đào tạo chính là việc tổ chức và thực hiện một quá trình cho người học, làm tăng giá trị của nguồn lực con người.

Đào tạo nhằm phát triển năng lực và nâng cao năng lực công tác của người được đào tạo; giúp cho họ tiếp nhận được tri thức, kỹ năng để họ có thể đáp ứng được nhu cầu nhân lực trong tương lai của cơ quan, đơn vị và đảm bảo cho người được đào tạo có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Như vậy, đào tạo có thể được xác định như là quá trình biến đổi hành vi của con người một cách có hệ thống thông qua hành vi học tập và nghiên cứu lĩnh hội tri thức, kỹ năng. Quá trình học tập có được là kết quả của việc định hướng, phát triển, lĩnh hội kinh nghiệm một cách có kế hoạch, tác động đến con người làm cho người đó lĩnh hội, nắm vững tri thức, kiến thức kỹ năng cơ bản nhất.

Trước tiên đối tượng đào tạo các chức danh tư pháp là những người đã tốt nghiệp cử nhân luật, đã và đang công tác làm việc ở một số vị trí nhất định trong các cơ quan tư pháp...



Từ những vấn đề được nêu trên có thể định nghĩa về đào tạo các chức danh tư pháp như sau:

Đào tạo các chức danh tư pháp là đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp có đạo đức trong sáng, có nghiệp vụ tinh thông, có kiến thức pháp luật giỏi, trang bị kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn. Đào tạo các chức danh tư pháp là một mô hình đào tạo nghề mang tính chất đặc thù, đòi hỏi người học phải có đạo đức, bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn pháp lý nhất định, có kiến thức xã hội sâu rộng.

Đào tạo các chức danh tư pháp là quá trình trang bị một cách có hệ thống về kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức làm nguồn để bổ nhiệm vào vị trí các chức danh tư pháp.

Đào tạo các chức danh tư pháp là nhằm dần hoàn thiện các thể chế, khắc phục được những khó khăn, xây dựng được đội ngũ cán bộ vừa có tâm, có tầm góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng và Nhà nước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đào tạo tách rời hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, đào tạo các chức danh tư pháp nhằm giúp công chức tư pháp cập nhật kiến thức, trang bị kỹ năng, phương pháp làm việc cho công chức tư pháp, đồng thời đảm bảo cho cán bộ tư pháp làm việc ngày càng hiệu quả.

Đào tạo các chức danh tư pháp có mục đích nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, kỹ năng giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của hệ thống các cơ quan tư pháp, cho công chức tư pháp để bổ nhiệm vào các vị trí chức danh đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ của hệ thống cơ quan tư pháp đó.

*Đối với các đặc điểm, nội dung đào tạo các chức danh tư pháp mà Học viện Tư pháp đang đào tạo:*

Mục tiêu đào tạo của Học viện Tư pháp là nhằm trang bị các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản của các chức danh tư pháp; cập nhật kiến thức pháp luật mới; giúp học viên làm quen với môi trường nghề nghiệp và tiếp thu kinh nghiệm thực tế; giáo dục đạo đức nghề nghiệp và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho các học viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp.

Học viện Tư pháp đã chú trọng xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo tính khoa học, có cơ cấu hợp lý, thể hiện quan điểm đào tạo hiện đại, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, đồng thời tiếp thu một cách hợp lý các kinh nghiệm của nước ngoài. Các chương trình đào tạo thường xuyên được hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn với kết cấu cơ bản gồm: Khối kiến thức chung, khối kiến thức rèn luyện kỹ năng nghề và khối kiến thức về thực tập (thực tế). Đa số các học viên đánh giá cao tính hướng nghiệp trong chương trình đào tạo. Tuy nhiên, trước năm 2005, các chương trình đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên... đều do Học viện chủ động xây dựng trên cơ sở quy định của pháp luật về thời gian đào tạo và nhu cầu sử dụng của xã hội chứ chưa được xây dựng theo đúng trình tự, logic của việc xây dựng chương trình theo chuẩn mực trong nước hay quốc tế mặc dù Học viện Tư pháp hoạt động theo Điều lệ trường đại học.

Từ năm 2005 đến nay, các chương trình đào tạo được xây dựng một cách bài bản hơn. Trước mỗi khóa đào tạo, trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đóng góp từ người học, từ các giảng viên tham gia giảng dạy, từ cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng lao động và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Tư pháp... các Khoa chuyên môn luôn tiến hành chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn nghề nghiệp của chức danh được đào tạo. Phần lớn các chương trình hiện nay đều được chi tiết hoá trên cơ sở khung chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.

Về cơ bản, các chương trình đào tạo tại Học viện Tư pháp được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về hình thức và nội dung như sau:

Tham khảo việc xây dựng chương trình của một số cơ sở đào tạo, tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia và tính đến yếu tố đặc thù trong đào tạo nghề tại Học viện Tư pháp cũng như khả năng vận hành, triển khai chương trình đào tạo theo đúng thời gian đào tạo.

Căn cứ theo quyết định về việc ban hành chương trình khung đào tạo nghiệp vụ của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, chương trình chi tiết đào tạo nghề được xây dựng cụ thể hóa khung chương trình đào tạo. Tổng số tiết học phải tích lũy tuân thủ đúng yêu cầu của chương trình khung đào tạo đã được phê duyệt. Việc xây dựng chương trình bám sát mục tiêu đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra về kiến thức, về kỹ năng, về phẩm chất đạo đức.

Đảm bảo tính logic giữa chương trình khung - chương trình đào tạo chi tiết - chương trình môn học. Chương trình đào tạo chi tiết xây dựng trên cơ sở đánh giá tổng quan việc triển khai chương trình môn học với việc lượng định phương pháp đào tạo nghề đặc thù như giải quyết tình huống, diễn án, thực hành đóng vai, thực hành nghề, làm việc nhóm, song giảng, đồng giảng, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp đánh giá học viên ở từng bài học.

Trang bị cho học viên năng lực tư duy pháp lý, phân tích và xử lý tình huống, áp dụng pháp luật, trau dồi kỹ năng hành nghề, khả năng làm việc độc lập trong môi trường công việc áp lực cao. Sau khi tốt nghiệp khóa học, học viên có khả năng đáp ứng được vị trí công việc của các chức danh tư pháp.

Đào tạo toàn diện về đạo đức, kiến thức và kỹ năng cơ bản của nghề, tạo sự đột phá về chất lượng và sự chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp;

Kết cấu các phần trong chương trình phù hợp kế hoạch đào tạo theo hướng từ dễ đến khó, kết hợp bổ sung nâng cao kiến thức lý thuyết pháp lý và thực hành nghề nghiệp;

Kế thừa và phát huy những ưu thế về công nghệ, phương pháp đào tạo, bản sắc, truyền thống văn hóa của Học viện Tư pháp, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Học viện trong điều kiện mới;

Đảm bảo tính khả thi, tính mở và hiệu quả trong quá trình đào tạo giúp học viên có kiến thức, kỹ năng căn bản để phát triển sau đào tạo, có cơ chế để học viên có thể nghiên cứu chuyên sâu cho một số lĩnh vực pháp luật mũi nhọn.

#### *Các chương trình đào tạo của Học viện Tư pháp*

Học viện Tư pháp đã xây dựng được các chương trình đào tạo như:

Chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử: thời gian đào tạo 12 tháng

Chương trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát: thời gian đào tạo 12 tháng

Chương trình đào tạo nghề luật sư: thời gian đào tạo 12 tháng (trước năm 2013 là 6 tháng);

Chương trình đào tạo nghề công chứng: thời gian đào tạo 12 tháng (trước 2016 là 6 tháng);

Chương trình đào tạo nghiệp vụ thi hành án: thời gian đào tạo 6 tháng

Chương trình đào tạo đầu giá viên: thời gian đào tạo 6 tháng (trước 2017 là 3 tháng)

Chương trình đào tạo nghề thừa phát lại: thời gian đào tạo 6 tháng.

Phù hợp với các chương trình đào tạo nêu trên, Học viện Tư pháp đã xuất bản đầy đủ các bộ giáo trình phục vụ đào tạo, gồm: bộ Giáo trình đào tạo nghiệp vụ xét xử, Giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát; bộ Giáo trình đào tạo Luật sư; Giáo trình đào tạo nghiệp vụ Công chứng; bộ Giáo trình đào tạo

nghiệp vụ thi hành án; Tập bài giảng nghiệp vụ Thư ký toà án; Tập bài giảng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp, Tập bài giảng nghiệp vụ Đấu giá viên...

Bên cạnh đó, Học viện Tư pháp đã xuất bản Giáo trình kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự, Giáo trình kỹ năng giải quyết các vụ việc dân sự để phục vụ cho việc đào tạo chung Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư; đã biên soạn và xuất bản 02 Tập bài giảng về hội nhập kinh tế quốc tế cho giảng viên và học viên Luật sư; sách Đạo đức nghề luật để đưa vào giảng dạy môn học Đạo đức nghề luật.

Song song với việc xây dựng giáo trình, tài liệu nêu trên, Học viện Tư pháp còn chú trọng việc biên soạn và xuất bản các tài liệu khác phục vụ giảng dạy và học tập như: Sổ tay Thẩm phán, Sổ tay Luật sư, Cẩm nang Hội thẩm, Ngân hàng đề thi Kỹ năng xét xử các vụ án hình sự, Ngân hàng đề thi Kỹ năng giải quyết các vụ án kinh tế, Ngân hàng đề thi Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự; sách Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo Thẩm phán, Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo Chấp hành viên, Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo Luật sư; đang biên soạn Sổ tay đào tạo gồm 06 tập (riêng Sổ tay đào tạo tập 1 - Lý luận về dạy và học đã được xuất bản năm 2008); đã xuất bản các bộ Phiếu kỹ thuật dùng làm tài liệu giảng dạy và học tập.

Để đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo nghề có nhiều đặc thù, Học viện Tư pháp đã thu thập, biên tập và photo nhân bản hơn 1.500 bộ hồ sơ tình huống từ các vụ việc đã được giải quyết trong thực tế. Nhiều hồ sơ tình huống đã được xây dựng thành kịch bản, dựng phim và phát trên chương trình Toà tuyên án, do Học viện Tư pháp phối hợp với Ban Thanh, thiếu niên (VTV6) – Đài truyền hình Việt Nam thực hiện. Các kịch bản này cũng đã được xuất bản dưới dạng tài liệu tham khảo. Ngoài ra, Học viện Tư pháp còn nhân bản các

VCD chương trình Toà tuyên án làm tài liệu giảng dạy và học tập.

## **2.2. Thực trạng đào tạo các chức danh tư pháp**

### *2.2.1. Những kết quả đạt được*

Qua 20 năm xây dựng và phát triển Học viện Tư pháp (11/02/1998-11/02/2018), ngày 01/02/2018, Học viện Tư pháp đã tổ chức Hội thảo “ Học viện Tư pháp – 20 năm xây dựng và phát triển”. chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển, Học viện Tư pháp đã trải qua chặng đường nhiều thăng trầm và khó khăn nhưng cũng đầy tự hào, tới nay Học viện đã thực sự vươn mình, trở thành trung tâm lớn về đào tạo các chức danh tư pháp, là lá cờ đầu của ngành Tư pháp trong sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng cán bộ tư pháp.

Ngày 11/02/2018 đánh dấu 20 năm chặng đường xây dựng và trưởng thành, suốt chặng đường đó Học viện Tư pháp đã có nhiều thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp đào, bồi dưỡng nguồn nhân lực tư pháp của đất nước.

### *Về đội ngũ cán bộ, giảng viên*

Theo thống kê các cột mốc về số lượng kể từ khi thành lập Học viện Tư pháp đến nay: năm 1998 khi thành lập trường thì đội ngũ cán bộ, giảng viên chỉ có 16 người (trong đó có 05 giảng viên và 11 cán bộ); tính đến năm 2004 số lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên tiếp tục được tăng lên là 60 người (trong đó có 24 giảng viên và 36 cán bộ); tính đến năm 2015 số lượng cán bộ, giảng viên gồm 152 người (trong đó có 55 giảng viên và 97 cán bộ); năm 2018, Học viện Tư pháp tròn 20 năm tuổi số lượng cán bộ giảng viên có sự thay đổi nhẹ tổng cộng có 147 người (trong đó có 57 giảng viên và 90 cán bộ), số lượng giảng viên tăng nhưng số lượng cán bộ lại giảm đi do có sự thay đổi về vị trí làm việc và đến tuổi về hưu...

Tính đến thời điểm hiện nay cùng với đổi ngũ giảng viên cơ hữu, Học viện Tư pháp còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đang công tác tại các Tòa

án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, các cơ quan thi hành án dân sự, các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức hành nghề luật sư, các tổ chức hành nghề công chứng, các tổ chức đấu giá tài sản...Hiện tại Học viện Tư pháp có khoảng 600 giảng viên thỉnh giảng.

### ***Về kết quả đào tạo***

#### ***Đối với đào tạo nghiệp vụ xét xử:***

Bắt đầu đào tạo từ năm 1998 đến năm 2014, thời gian đào tạo là 12 tháng; đối tượng đào tạo là cán bộ, công chức ngành tòa án có bằng cử nhân luật, có thâm niên công tác và được cử đi đào tạo; tính từ năm 1998 đến năm 2014, Học viện Tư pháp đã đào tạo được 15 khóa đối với chức danh này, đã công nhận tốt nghiệp cho 5.511 học viên (trong đó có 04 học viên nước CHDCND Lào).

#### ***Đối với đào tạo nghiệp vụ kiểm sát:***

Bắt đầu đào tạo từ năm 2004 đến năm 2007 và từ năm 2014 đến năm 2016 (từ năm 2008 đến năm 2013 Viện kiểm sát nhân dân tối cao không gửi cán bộ sang đào tạo tại Học viện Tư pháp); thời gian đào tạo đối với kiểm sát là 12 tháng; đối tượng là cán bộ, công chức ngành kiểm sát có bằng cử nhân luật, có thâm niên công tác và được cử đi đào tạo; tính đến thời điểm theo cột mốc đã nêu trên Học viện Tư pháp đã đào tạo được 7 khóa và công nhận tốt nghiệp cho 1.478 học viên.

Theo công bố tại Hội thảo “Học viện Tư pháp – 20 năm xây dựng và phát triển”, ngày 01/02/2018, Học viện Tư pháp đạt được những kết quả đào tạo như sau (tính cả chức danh Nghiệp vụ xét xử và Nghiệp vụ kiểm sát), cụ thể:

<b>STT</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>	<b>Số lượng tuyển sinh</b>	<b>Số lượng tốt nghiệp</b>
1.	Nghiệp vụ xét xử	5.520	5.511
2.	Nghiệp vụ kiểm sát	1.498	1.478
3.	Nghiệp vụ thi hành án dân sự	4.720	4.690
4.	Nghề luật sư	32.137	25.617
5.	Nghề công chứng	5.146	3.833
6.	Nghề đấu giá	1.432	1.257
7.	Nghề thừa phát lại	135	84
8.	Nghiệp vụ lý lịch tư pháp	148	147
9.	Nghiệp vụ thư ký tòa án	99	99
10.	Luật sư hội nhập quốc tế	35	Đang đào tạo
	<b>Tổng cộng</b>	<b>51.210</b>	<b>43.049</b>

Tính đến nay 02 (hai) chức danh Xét xử và Kiểm sát, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, không cử người đi học nữa. Do vậy các chức danh đào tạo của Học viện Tư pháp có phần thu hẹp lại. Các chức danh còn lại chủ yếu là đào tạo theo nhu cầu xã hội. Tuy nhiên Học viện Tư pháp cũng đã kịp ban hành chương trình đào tạo chung nguồn bổ nhiệm Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư. Chương trình khung đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành theo Quyết định số 2543/QĐ-BTP ngày 08/12/2016, Chương trình đào tạo chi tiết đã được Giám đốc Học viện Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-HVTP ngày 23/12/2016, Hiện nay Học viện Tư pháp đã và đang đào tạo khóa đầu tiên với số học viên nhập học là 32 học viên.



Mục tiêu đào tạo của Học viện Tư pháp là nhằm trang bị các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản của các chức danh tư pháp; cập nhật kiến thức pháp luật mới; giúp học viên làm quen với môi trường nghề nghiệp và tiếp thu kinh nghiệm thực tế; giáo dục đạo đức nghề nghiệp và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho các học viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Học viện Tư pháp đã có những đóng góp khá nổi bật: Xây dựng được chương trình đào tạo cho các chức danh tư pháp với một cơ cấu hợp lý, thể hiện quan điểm đào tạo hiện đại phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam trên những cơ sở học tập kinh nghiệm của nước ngoài;

Hình thành và xây dựng được triết lý công nghệ đào tạo nhằm giải phóng sự trì trệ từ đó đã tăng cường được sức sáng tạo của người dạy và người học;

Xây dựng đội ngũ giảng viên, từ đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện cho đến đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm.

Trong quá trình đào tạo đã áp dụng phương pháp mới đó là lấy người học làm trung tâm và lấy hồ sơ tình huống làm nền tảng cho việc dạy và học, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn trên cơ sở hai, ba hoặc nhiều giảng viên đứng lớp trong cùng một dung bài học.

Kế thừa và phát huy những ưu thế về công nghệ, phương pháp đào tạo, bản sắc, truyền thống văn hóa của Học viện Tư pháp, phù hợp với tâm nhàn, sứ mệnh của Học viện trong điều kiện mới; đảm bảo tính khả thi, tính mở và hiệu quả trong quá trình đào tạo giúp học viên có kiến thức, kỹ năng căn bản để phát triển sau đào tạo, có cơ chế để học viên có thể nghiên cứu chuyên sâu cho một số lĩnh vực pháp luật mũi nhọn.

*Về hoạt động quản lý nhà nước:*

Kỳ từ khi thành lập Học viện Tư pháp đến nay, công tác đào tạo các chức danh tư pháp được quy định tại Điều 2 của Quyết định 23/2004/QĐ-TTg ngày 25/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Học viện Tư pháp, chỉ rõ: “*Học viện Tư pháp là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động theo Điều lệ Trường Đại học*”. Tại Điều 5 của Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg, đã nêu rõ trách nhiệm phối hợp của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp trong công tác quy hoạch sử dụng cán bộ chức danh tư pháp, để xác định nhu cầu đào tạo hàng năm, làm cơ sở cho Học viện Tư pháp xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp nhu cầu sử dụng của ngành. Với địa vị pháp lý là đơn vị trực thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động tư pháp.

Từ năm 1998 đến nay, Học viện tư pháp với chức năng đào tạo các chức danh tư pháp nói chung, đã đào tạo và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực về các chức danh cho hệ thống Tòa án, Viện Kiểm sát và các chức danh khác...

Để đảm bảo chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp, Học viện đã xây dựng đủ các chương trình, giáo trình, tập bài giảng và các hồ sơ tình huống phục vụ cho công tác đào tạo một cách bài bản nhất phù hợp với yêu cầu thực tế trong công tác đào tạo.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm chức. Giảng viên cơ hữu giảng dạy gồm các đồng chí trong Ban Giám đốc, một số lãnh đạo các phòng, khoa ... Giảng viên kiêm chức tham gia giảng dạy chủ yếu là các Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư... có nhiều năm kinh nghiệm. Đội ngũ giảng viên vừa có kinh nghiệm thực tế vừa nắm chắc lý thuyết, có phương pháp giảng dạy tốt, phù hợp với các đối tượng học viên tham gia học.

### *2.2.2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật về đào tạo các chức danh tư pháp*

Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg ngày 25/02/2004 thành lập Học viện Tư pháp trên cơ sở Trường đào tạo các chức danh tư pháp. Theo Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg, Học viện là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động theo Điều lệ trường đại học, có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nghiệp vụ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho chấp hành viên, công chứng viên, luật sư và cán bộ có chức danh tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp; nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chức danh tư pháp; hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong việc đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Lúc này Học viện Tư pháp đã là một mô hình đào tạo tập trung năng lực đào tạo của toàn ngành tư pháp về một đầu mối, tạo điều kiện cho việc thống nhất các chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo các chức danh tư pháp theo những tiêu chuẩn khắt khe về nghề nghiệp và đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi của xã hội dân chủ.

Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 phê duyệt đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”, Học viện được giao thêm nhiệm vụ đào tạo thẩm tra viên thi hành án dân sự, thư ký thi hành án dân sự, trọng tài viên, trợ giúp viên pháp lý, hộ tịch viên, đăng ký viên giao dịch bảo đảm, thừa phát lại; đào tạo chung nguồn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư; mở rộng hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ làm công tác pháp luật của các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

Hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay được điều chỉnh bởi Luật giáo dục năm 2009, Luật công chức năm 2008 và các văn bản quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng của các Bộ, ngành. Như vậy các văn bản quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay tương đối đầy đủ để hoạt động đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của hệ thống tư pháp.

*Quản lý xây dựng đội ngũ giảng viên, công chức, cán bộ quản lý đào tạo:*

Để phù hợp với việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo các chức danh tư pháp. Bộ Trưởng Bộ Tư pháp đã ra Quyết định số 2229/QĐ-BTP ngày 22/12/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Tư pháp. Theo Quyết định này, các đơn vị chức năng thuộc Học viện bao gồm:

- Khoa Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư;
- Khoa Đào tạo Luật sư;
- Khoa Đào tạo Các chức danh thi hành án dân sự;
- Khoa Đào tạo Công chứng viên và các chức danh khác;
- Phòng Tổ chức Cán bộ;
- Phòng Hành chính, tổng hợp và Đối ngoại;
- Phòng Đào tạo và Công tác học viên;
- Phòng Tài chính Kế toán;
- Phòng Quản trị;
- Phòng Quản lý khoa học và Trị sự Tạp chí Nghề luật;
- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo;
- Trung tâm Thông tin – Thư viện;
- Trung tâm Tư vấn pháp luật;
- Cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra Học viện Tư pháp còn có các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:

- Đảng bộ Học viện Tư pháp
- Công đoàn Học viện
- Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Học viện;
- Chi Hội cựu chiến binh Học viện;
- Chi Hội Luật gia Học viện.

### ***Quản lý chất lượng nội dung chương trình đào tạo***

Nhằm đào tạo cho học viên nắm vững vị trí, vai trò, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư; biết mối quan hệ giữa Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư trong hoạt động tố tụng; có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hỗ trợ...

Nội dung chương trình đào tạo các chức danh tư pháp nhằm cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của từng chức danh.

Nội dung chương trình đào tạo các chức danh tư pháp là một vấn đề quan trọng đối với hoạt động quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng. Cùng với công cuộc đổi mới toàn diện, chính sách hội nhập của Đảng và Nhà nước đã tạo cơ hội để đất nước phát triển trên mọi lĩnh vực. Trong đó có lĩnh vực đào tạo các chức danh tư pháp. Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp đang đứng trước những thách thức, đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp để tạo ra nguồn nhân lực đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế.

Hiện nay các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp thuộc thẩm quyền của của Học viện Tư pháp – Bộ Tư pháp, được xây dựng dưới sự chủ

trì của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp với sự tham gia của Các Hội đồng khoa học, Hội đồng đào tạo, các giảng viên, các chuyên gia có kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn trong các lĩnh vực...

Đội ngũ cán bộ của cán bộ của các chức danh tư pháp cần phải được đào tạo chính quy với chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn công tác, yêu cầu công việc. Yêu cầu đối với cán bộ là phải có trình độ chuyên môn cao, vừa có đạo đức tốt, vừa có lập trường tư tưởng vững vàng là một trong những nội dung quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Để đạt được mục tiêu này, chương trình đào tạo các chức danh tư pháp của Học viện Tư pháp đã được xây dựng khoa học, gắn liền lý luận và thực tiễn, trang bị cho người học (học viên) những kỹ năng cần thiết trong quá trình đào tạo, đặc biệt là kỹ năng giải quyết các vụ án, vụ việc trong quá trình điều tra, xét xử...

Chương trình đào tạo các chức danh tư pháp của Học viện Tư pháp không chỉ cung cấp các kiến thức kỹ năng về nghiệp vụ mà còn bao gồm các kiến thức, pháp luật chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp bản lĩnh chính trị cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó trong chương trình đào tạo các chức danh có sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, gắn lý thuyết và thực hành, giữa bổ sung kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với nâng cao nhận thức trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp, kiến thức hỗ trợ pháp luật chuyên ngành, hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt để nâng cao kỹ năng thực hành hồ sơ tình huống được áp dụng tất cả các chương trình đào tạo của các chức danh tư pháp....

Nói chung, chương trình đào tạo các chức danh tư pháp của Học viện Tư pháp hiện nay được coi là một nội dung quan trọng trong đảm bảo chất lượng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp.

## **2.3. Thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp**

### *2.3.1. Những kết quả đạt được*

Việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo các chức danh tư pháp:

Hiện nay các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp tương đối đầy đủ, như quy định chung của luật cán bộ, công chức năm 2008, Luật giáo dục năm 2009...Bộ Tư pháp cũng đã ban hành được một số quy định trong quản lý nhà nước về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức về đào tạo các chức danh tư pháp như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và một số chức danh tư pháp khác...

Luật cán bộ, công chức năm 2008, quy định rõ các cơ quan quản lý cán bộ, công chức phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, việc đào tạo phải gắn liền với từng ngạch cán bộ, công chức và từng chức vụ...

Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009, quy định tổ chức và các hoạt động giáo dục, để phát triển sự nghiệp giáo dục tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Luật Giáo dục quy định về hệ thống giáo dục quốc dân của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, của lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục...

Với chức năng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, Bộ Tư pháp cũng đã ban hành nhiều các văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng đào tạo, Học viện Tư pháp cũng đã ban hành nhiều quy chế liên quan đến quản lý giảng viên, quản lý cán bộ được cử đi học tại

Học viện; các quy chế đánh giá chất lượng giảng viên, chất lượng cán bộ của các chức danh tham gia đào tạo tại Học viện Tư pháp...

Trong thời gian vừa qua có rất nhiều chính sách đào tạo công chức, đào tạo các chức danh tư pháp với mục tiêu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp làm nguồn để bổ nhiệm vào các vị trí chức danh tư pháp. Với chính sách hiện nay đã đặt ra nhiều mục tiêu cho đào tạo, trong đó đào tạo các chức danh tư pháp cần có một kế hoạch và chiến lược tổng thể dài hơi cho sự phát triển của hệ thống các cơ quan tư pháp.

Như vậy, trong những năm qua số lượng, chất lượng các văn bản được ban hành để điều chỉnh các mối quan hệ trong lĩnh vực đào tạo các chức danh tư pháp là đáng ghi nhận, đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của việc nâng cao chất lượng đào tạo chất lượng quản lý nhà nước trong công cuộc cải cách tư pháp của đất nước.

*Tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp*

Từ năm 1998 đến năm 2013, ở nước ta công tác đào tạo Thẩm phán, Kiểm sát viên được giao cho Học viện Tư pháp trực thuộc Bộ Tư pháp đào tạo các chức danh này đã đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực cho hệ thống Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp...đáp ứng được yêu cầu trong công cuộc cải cách tư pháp.

Thực hiện Nghị quyết 49/2005/NQ-TW, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 phê duyệt đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”, Học viện được giao thêm nhiệm vụ đào tạo thẩm tra viên thi hành án dân sự, thư ký thi hành án dân sự, trọng tài viên, trợ giúp viên pháp lý, hộ tịch viên, đăng ký viên giao dịch bảo đảm, thừa phát lại; đào tạo chung nguồn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư; mở rộng hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, cập



nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ làm công tác pháp luật của các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

Trong quá trình và hình thành và phát triển của Học viện Tư pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước cũng như sự phối hợp của các Bộ ngành, tính đến thời điểm này Học viện Tư pháp đã có 11 chương trình đang thực hiện đào tạo chức danh tư pháp, bộ trợ tư pháp từ đó đã cung cấp được nguồn nhân lực tư pháp chất lượng phục vụ cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế.

Thống kê các chương trình đào tạo, bộ trợ tư pháp của Học viện Tư pháp tính đến thời điểm hiện tại:

- Chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử;
- Chương trình đào tạo nghiệp vụ thư ký tòa án;
- Chương trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát;
- Chương trình đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư;
- Chương trình đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự;
- Chương trình đào tạo nghề luật sư;
- Chương trình đào tạo nghề luật sư phục vụ hội nhập quốc tế;
- Chương trình đào tạo nghề công chứng;
- Chương trình đào tạo nghề đấu giá;
- Chương trình đào tạo nghề thừa phát lại;
- Chương trình đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp.

Từ những dấu mốc đào tạo các chức danh tư pháp đã đạt được, từ đó đã đặt nền móng, kiến tạo mô hình đào tạo mới ở Việt Nam- đào tạo kỹ năng nghề nghiệp tạo nguồn bổ nhiệm, công nhận các chức danh tư pháp, bộ trợ tư pháp; hình thành tiêu chuẩn, điều kiện luật định về chuyên môn nghiệp vụ khi bổ nhiệm, công nhận các chức danh tư pháp; đã có vai trò đóng góp hết sức

quan trọng trong việc tạo nguồn nhân lực tư pháp chất lượng cho ngành Tòa án, Kiểm sát và Tư pháp; góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do nhân dân, vì nhân dân.

### *2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân*

#### *Trong hoạt động đào tạo*

Trong những năm qua, công tác đào tạo các chức danh tư pháp được chú trọng và đạt được những thành tích nhất định. Tuy nhiên trước yêu cầu của cuộc sống xã hội việc đào tạo các chức danh tư pháp cần đòi hỏi phải có sự chuyển biến. Chính phủ có đề cập đến, trong thời gian qua công tác đào tạo các chức danh tư pháp nhất là đào tạo Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Trước những năm 1998 các chức danh tư pháp trong đó đội ngũ cán bộ chỉ được trang bị những kiến thức pháp luật ở trình độ Cao đẳng, Đại học luật mà chưa qua đào tạo nghề.

Năm 2004 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Học viện Tư pháp được thành lập trở thành cơ sở đào tạo cho ba chức danh Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư và một số chức danh tư pháp khác. Tuy nhiên cho đến năm 2008 Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tạm ngừng không cử cán bộ đào tạo nghiệp vụ tại Học viện Tư pháp, phía Tòa án nhân dân tối cao vẫn tiếp tục gửi học viên đào tạo tại Học viện Tư pháp cho đến năm 2015 thì ngừng gửi. Việc đào tạo các chức danh tư pháp theo hướng thống nhất đầu mối đào tạo nghề nghiệp cho cán bộ có chức danh tư pháp bị gián đoạn. Công tác đào tạo các chức danh tư pháp vẫn chưa có sự ổn định về thể chế, chưa có sự thống nhất về định hướng đào tạo, chưa nhận được sự ủng hộ tối đa của các ngành tư pháp để tạo sự đột phá trong công tác đào tạo cũng như chất lượng đào tạo.

Những hạn chế bất cập nêu trên cũng xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó quan trọng nhất là đầu vào của học viên còn thấp (Học viện Tư pháp

cũng đã có thời điểm thi đầu vào đối với đào tạo luật sư) để đánh giá chất lượng. Cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp tương đối bị động khi phải tiếp nhận nguồn đầu vào không đồng đều, khi phần lớn các học viên các chức danh Thẩm phán, Kiểm sát viên đi học theo chế độ cử tuyển do đã là cán bộ của ngành Tòa án, Kiểm sát được cử đi học...

*Trong cơ chế quản lý nhà nước giữa các cơ sở đào tạo*

Hạn chế trong cơ chế điều hành quản lý giữa cơ quan quản lý và cơ sở đào tạo. Học viện Tư pháp là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Tư pháp. Hiện nay, Học viện Tư pháp đang tập trung xây dựng cơ chế quản lý theo hướng phát huy tính tự chủ. Hoạt động của bộ máy tại Học viện Tư pháp đã thể hiện được tính linh hoạt và đồng bộ trong quản lý, điều hành góp phần thúc đẩy sự phát triển của Học viện Tư pháp. Hệ thống các văn bản quản lý điều hành trong nội bộ Học viện Tư pháp được xây dựng tương đối đầy đủ, mang tính khoa học tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý.

Chịu ảnh hưởng của cơ chế, hoạt động quản lý, điều hành giữa các cơ quan còn gặp nhiều khó khăn cần phải khắc phục.

Trong thực tiễn hiện nay ngoài công tác đào tạo các chức danh theo nhu cầu xã hội, các chức danh khác chủ yếu vẫn phụ thuộc vào kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo được quy định bởi kế hoạch cử đi học của các ngành...

Do vậy cơ sở đào tạo chưa chủ động được chất lượng đầu vào, phân luồng được đối tượng người học, nâng cao chất lượng đầu vào.

*Hạn chế trong quản lý nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên*

Phần lớn giảng viên tham gia đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay là giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo các chức danh chiếm số lượng thấp. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện Tư pháp hiện còn thiếu. Việc phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu là vấn đề trọng tâm then

chốt của một cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, nhưng hiện nay vẫn còn có những hạn chế, cần được khắc phục. Trong thời gian qua việc giảng dạy các chức danh tư pháp chủ yếu phụ thuộc vào việc mời giảng viên thỉnh giảng.

#### *Công tác quản lý chương trình đào tạo*

Việc quản lý chương trình giáo trình hiện nay được Học viện Tư pháp xây dựng và phát triển. Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng dưới sự chủ trì của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo cho từng chức danh tư pháp.

Trong những năm qua Học viện Tư pháp đã chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu, hồ sơ tình huống bằng nhiều hình thức và đã đạt được một số kết quả, tạo tiền đề để đẩy mạnh hơn nữa trong công tác phát triển chương trình, giáo trình đào tạo các chức danh. Tuy nhiên trong công tác quản lý chương trình đào tạo vẫn còn những hạn chế, cụ thể là hàng năm vẫn phải tổ chức hội thảo, tọa đàm để đánh giá các nội dung chương trình đào tạo của các chức danh, từ đó phải đưa ra các điều chỉnh phù hợp. Điều đó làm ảnh hưởng đến nội dung học tập và nghiên cứu của người học (học viên). Vấn đề này vẫn chưa được các nhà quản lý quan tâm đánh giá một cách khoa học nhằm có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động quản lý chương trình đào tạo hiện nay.

Hạn chế trong quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về đào tạo các chức danh tư pháp. Trong thực tiễn hiện nay hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp, hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế. Công tác hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, đưa giảng viên đi học tập, thực tế ở nước ngoài vẫn chưa được quan tâm triển khai trong hoạt động quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế.

## **Tiểu kết chương**

Hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam hiện nay đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận đóng góp vào sự phát triển của công cuộc cải cách tư pháp. Hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh này đã góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong hoạt động thực thi nhiệm vụ thuộc thẩm quyền theo từng chức danh.

Bên cạnh những kết quả thì hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh ở Việt Nam hiện nay vẫn còn những hạn chế như; công tác xây dựng các văn bản qui phạm về quản lý nhà nước trong đào tạo các chức danh tư pháp còn hạn chế, công tác triển khai thực hiện còn chưa toàn diện, chưa đồng bộ; đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của các chương trình, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đặc biệt là xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên kiêm nhiệm.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp cần có những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế nguyên nhân nêu trên, để từ đó có cơ sở đào tạo được những cán bộ tư pháp đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp của công dân.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP

### 3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp

#### 3.1.1. Tầm quan trọng về đào tạo các chức danh tư pháp

Theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 có đề cập đến đó là vấn đề chất lượng công tác tư pháp chưa ngang tầm với đòi hỏi của nhân dân và xã hội; còn có nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp.

Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của máy nhà nước.

Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và còn nhiều sơ hở, công tác xây dựng, giải thích hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có pháp luật về lĩnh vực tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế.

Việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về cải cách tư pháp chưa nghiêm... Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về lĩnh vực tư pháp chưa được chú ý đúng mức. Cơ quan tham mưu của cấp ủy về lĩnh vực nội chính chậm được kiện toàn, chất lượng tham mưu yếu...

Từ một số hạn chế nêu trên từ đó chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của đào tạo các chức danh tư pháp, đào tạo các chức danh tư pháp là nhằm dần hoàn thiện các thể chế, khắc phục được những khó khăn, xây dựng được đội ngũ cán bộ vừa có tâm, có tầm góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng và Nhà nước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### *3.1.2. Những đóng góp trong quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp*

Năm 2005 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã thông qua Đề án về chiến lược cải cách tư pháp và được cụ thể hóa là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Nhà nước đảm bảo kinh phí đào tạo cho cán bộ, công chức nhà nước được cử đi đào tạo nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư; có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các đối tượng khác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người nghèo, người có công với cách mạng tham gia các chương trình đào tạo nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư.

Tăng cường phối hợp liên ngành trong hoạt động đào tạo nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư; kiểm soát chặt chẽ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo, nhằm đạt được mục tiêu đào tạo là tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho việc tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, góp phần thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, chủ trương lựa chọn bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên từ luật sư, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp của thẩm phán, kiểm sát viên, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đảm bảo thực thi công lý và quyền con người.

## **3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp**

### *3.2.1. Hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước trong đào tạo các chức danh tư pháp*

Để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản lý của nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay, đồng thời tạo cơ sở pháp lý tiến hành hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp một cách bài bản, chính quy, nhất là khi chuyển sang mô hình đào tạo mới trong giai đoạn hiện nay cần thiết phải xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác đào tạo các chức danh tư pháp. Cụ thể:

Xây dựng, ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp giữa các Bộ, ngành hữu quan (Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo) để tăng cường cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đào tạo như: xác định quy mô đào tạo, việc cử người đi đào tạo; chế độ, chính sách đối với người học; quản lý cán bộ trong thời gian học tập; chương trình, giáo trình, tài liệu học tập; xây dựng, sử dụng đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên kiêm chức; tổ chức các khoá đào tạo; đánh giá chất lượng đào tạo và kết quả học tập của học viên; bố trí sử dụng học viên sau khi tốt nghiệp ra trường...

Xây dựng, ban hành Pháp lệnh đào tạo nghề một số chức danh tư pháp

Để tạo chuyên biến cơ bản trong hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp, nhất là khi chuyển sang mô hình đào tạo mới cần phải xây dựng và ban hành một văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhằm có một thể chế thống nhất, hoàn chỉnh về đào tạo các chức danh tư pháp. Dự án Pháp lệnh Đào tạo nghề một số chức danh tư pháp đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật,



pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá XIII. Việc ban hành Pháp lệnh này nhằm đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

**Thứ nhất**, thể chế hoá kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về đào tạo nghề cho các chức danh tư pháp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác đào tạo các chức danh tư pháp.

**Thứ hai**, tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành hữu quan trong công tác đào tạo nhằm huy động tối đa nguồn nhân lực, nhất là giảng viên, kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo các chức danh tư pháp; khuyến khích và thu hút sự quan tâm của Nhà nước và toàn xã hội, các nguồn hỗ trợ trong nước và hợp tác quốc tế về công tác này.

**Thứ ba**, chuẩn hoá nội dung, chương trình đào tạo theo định hướng thống nhất phục vụ cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập kinh tế quốc tế, có khả năng đáp ứng các yêu cầu về tính phổ biến và tính đặc thù của nội dung, chương trình đào tạo chung các chức danh tư pháp, bảo đảm trang bị kỹ năng đặc thù của mỗi chức danh và khả năng hành nghề ở các chức danh tư pháp khác nhau.

**Thứ tư**, tạo cơ sở pháp lý cho kỳ thi tuyển trong phạm vi toàn quốc nhằm tuyển chọn nguồn đầu vào có chất lượng cao cho công tác đào tạo các chức danh tư pháp; tạo cơ sở pháp lý cho việc liên thông giữa hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp với việc tuyển dụng công chức vào các cơ quan tư pháp.

**Thứ năm**, phân định rõ chức năng đào tạo và chức năng bồi dưỡng định kỳ, phân định đối tượng đào tạo các chức danh tư pháp và đối tượng đào tạo các cán bộ không có chức danh tư pháp, xử lý được các quy định còn đang mâu thuẫn liên quan đến hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp trong một số văn bản pháp luật hiện hành.

### 3.2.2. *Đổi mới tư duy nhận thức về quản lý đào tạo các chức danh tư pháp*

Cần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Học Viện Tư pháp – Bộ Tư pháp; Học viện Tư pháp phải đổi mới nhận thức về vai trò, vị trí của công tác đào tạo các chức danh theo su thế hiện nay.

Để đảm nhiệm được và thực hiện tốt vị trí vai trò của các chức danh thì các học viên được đào tạo trở thành Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư... phải được đào tạo một cách cơ bản và hệ thống. Đồng thời phải coi đào tạo các chức danh đó là nhiệm vụ, là biện pháp cơ bản và thường xuyên nhằm tiêu chuẩn hoá và nâng cao năng lực và trình độ của từng chức danh; xóa bỏ tư duy xem đào tạo là để có đủ bằng cấp, đủ tiêu chuẩn ngạch, bậc, đủ chỉ tiêu đào tạo là mục đích chính.

Do vậy, cần đổi mới tư duy bằng cách đánh giá về trình độ, năng lực, kỹ năng nghiệp vụ nghề nghiệp của từng chức danh... để tiến hành phân loại đối tượng đào tạo cho phù hợp, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến vị trí vai trò của các chức danh đó là nguồn nhân lực chính để bộ nhiệm trong các cơ quan, đơn vị của Ngành.

Về phương quản lý: phương pháp cũ còn nặng về kế hoạch, quản lý trực tiếp, hành chính... đã không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Cần đổi mới phương pháp quản lý nhà nước theo hướng linh hoạt hơn và kết hợp nhiều phương pháp quản lý, như phương pháp mệnh lệnh hành chính kết hợp với phương pháp giáo dục, thuyết phục ý thức tự giác học tập...

Quán triệt, nhận thức sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Ban cán sự Đảng . Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã chỉ rõ một trong các nguyên nhân cơ bản của những tồn tại, khuyết điểm trong công tác tư pháp thời gian qua chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay là đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về

trình độ và năng lực nghiệp vụ; một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất, đạo đức. Nghị quyết đã khẳng định tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh trong đó chú trọng tới công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp tư pháp theo các chức danh.

Tiếp đến là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp.

Mặt khác, cần quán triệt nội dung, giải pháp, lộ trình cải cách tư pháp, đặc biệt là lộ trình cải cách, xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp theo Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013.

### *3.2.3. Tăng cường sự phối hợp trong việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo các chức danh tư pháp*

Thực hiện việc phân công, phân định rõ ràng trách nhiệm của các cơ sở đào tạo trong việc tổ chức thực hiện đào tạo cùng với việc xác định, phát huy vai trò đầu mối của Học viện Tư pháp trong công tác đào tạo cán bộ, công chức của Ngành; từng bước giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan, đơn vị và bảo đảm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức đào tạo.

Công tác đào tạo các chức danh tư pháp cần phải được đánh giá có vị trí, vai trò quan trọng, quyết định đến sự phát triển của ngành, từ đó, quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức của ngành.

Bộ Tư pháp phải xây dựng cơ chế phối hợp giữa các ngành trong vấn đề tổ chức và quản lý đào tạo các chức danh tư pháp. Thực hiện nghiêm túc

ché độ kế hoạch hoá để bảo đảm cho công tác đào tạo cán bộ, công chức đi vào nề nếp và được thực hiện thường xuyên. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo để phát huy những ưu điểm trong quá trình thực hiện, đồng thời kịp thời phát hiện những vấn đề tồn tại, hạn chế, từ đó tìm ra phương hướng, giải pháp khắc phục.

Tong thời gian qua hoạt động nghề nghiệp của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong hoạt động tố tụng còn nhiều bất cập, có lúc, có nơi chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật, chưa bảo vệ tốt các quyền và lợi ích của công dân, thực trạng này do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân xuất phát từ hệ thống đào tạo nguồn nhân lực pháp luật của nước ta. Trong quá trình đào tạo tại trường Cao đẳng Kiểm sát (Đại học Kiểm sát bây giờ) hoặc đại Luật thì các Kiểm sát viên, Thẩm phán chỉ học những vấn đề đại cương, học theo chuyên ngành được , được trau dồi những kiến thức chuyên môn trong việc xác định các dấu hiệu cấu thành tội phạm, định tội danh...chưa hề có chương trình giảng sâu về tranh tụng hay điều khiển tranh tụng...

Để thống nhất nhận thức cũng như có quan điểm đúng đắn khi giải quyết bất cứ vụ việc nào thuộc thẩm quyền của Toà án rất cần có sự phối hợp liên ngành trong công tác đào tạo chung cho các chức danh tư pháp.

#### *3.2.4. Xây dựng kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp*

Đào tạo các chức danh tư pháp là trang bị cho người học kiến thức kỹ năng, có tầm nhìn, có năng lực, có kỹ năng làm việc thực tế đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hướng tới sự phát triển của đội ngũ các chức danh tư pháp.

Xác định nhu cầu đào tạo, mục đích đào tạo, xác định nguyên tắc trong các chương trình đào tạo các chức danh để cung cấp kiến thức ở mức cần thiết và rèn luyện kỹ năng đến mức có thể.

Để kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp mang tính khả thi, đòi hỏi phải bảo đảm những yêu cầu sau:

Kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp cần phải dựa trên yêu cầu chính trị, nhiệm vụ của Bộ, Ngành...

Xây dựng kế hoạch đào tạo các chức danh cần gắn với quy hoạch về đào tạo với sử dụng và tạo nguồn nhân lực cán bộ công chức lâu dài.

Xây dựng kế hoạch đào tạo các chức danh tư pháp cần phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh, nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Nhận thức cần tăng cường tính chủ động của các chức danh trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo các chức danh đó, công tác xây dựng kế hoạch đào tạo phải dựa vào thực trạng, thực chất, chất lượng của cán bộ được cử đi đào tạo của từng địa phương, nhu cầu của đơn vị, có cơ chế tăng cường chủ động của đơn vị sử dụng các chức danh này trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo.

Trên thực tế ngoài các chức danh tư pháp đào tạo theo nhu cầu xã hội, một số các chức danh khác cũng còn phụ thuộc vào các cơ quan đơn vị cử người đi học. Vì vậy, trong xu thế đổi mới đào tạo các chức danh cần theo nhu cầu, theo vị trí công việc, đào tạo các chức danh này cần chủ động.

### *3.2.5. Công tác đánh giá, kiểm tra và giám sát đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp*

Mục tiêu đánh giá cần tiến hành theo kế hoạch, áp dụng những tiến bộ khoa học và những phương pháp khác nhau, cần tiến hành để thấy được kết quả đối với từng cá nhân, đơn vị và tổ chức. Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp với nhiều hình thức khác nhau:

Đánh giá trong cơ sở đào tạo, đánh giá của các đơn vị sử dụng nguồn cán bộ được đào tạo, đánh giá của các cơ quan đơn vị cử người đi học và đánh giá độc lập của các cơ quan khác.

Nội dung đánh giá như: mức độ phù hợp giữa nội dung chương trình với yêu cầu vị trí việc làm của từng chức danh; đánh giá năng lực của giảng viên và sự phù hợp của phương pháp đào tạo với nội dung chương trình và người học; đánh giá năng lực tổ chức đào tạo của cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp; mức độ tiếp thu kiến thức, kỹ năng của người học và thực tế áp dụng vào việc thực thi công vụ ở các cơ quan đơn vị đó.

*Đánh giá giảng viên:* đánh giá giảng viên thông qua bài giảng, việc đánh giá giảng viên nhằm cung cấp thông tin cho học viên, cơ sở đào tạo đó và xã hội đánh giá cơ sở đào tạo là công cụ để nhà nước quản lý chất lượng, thực hiện đầu tư và giao nhiệm vụ đào tạo.

*Hình thức đánh giá:* Giảng viên tự đánh giá; đồng nghiệp, học viên, cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý đánh giá.

Đánh giá học viên bao gồm các hình thức: kiểm tra, đánh giá quá trình khóa học, thái độ, kiến thức, kết quả đạt được khi kết thúc các kỳ thi...

Công tác đào tạo các chức danh tư pháp cần được kiểm tra, thanh tra thường xuyên để thu thập thông tin phản hồi đưa ra những quyết định nhằm thiết lập kỷ cương pháp luật trong hoạt động đào tạo đó; ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực. Công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát cần được thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo nhằm xem xét hiệu quả đào tạo đối với học viên trong việc áp dụng những điều đã học vào công việc và hiệu quả của đào tạo đối với quá trình phát triển của tổ chức.

Thực hiện đánh giá chất lượng người học sau đào tạo là nhằm thu thập những thông tin phản hồi của hoạt động đào tạo qua đó xác định được nhu cầu đào tạo đảm bảo đúng người, đúng việc. Việc đánh giá đó có thể do cơ sở đào tạo thực hiện hoặc đơn vị khác nhưng phải đảm bảo nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, trung thực.

*3.2.6. Có chế độ, chính sách hỗ trợ và đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế đối với đào tạo các chức danh tư pháp*

*Về chế độ, chính sách:* Các bộ, Ngành và các cơ sở đào tạo nên có chế độ thưởng phù hợp, xứng đáng với người học có thành tích học, áp dụng những điều đã học vào công việc, có sáng kiến trong công tác được áp dụng rộng rãi trong đơn vị, trong toàn hệ thống Ngành Tư pháp...

Cần có chính sách luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm tạo điều kiện để cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp phát triển sự nghiệp....

*Về việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất:* Đảm bảo nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước đáp ứng đủ mục tiêu thực hiện công tác đào các chức danh tư pháp, cần tăng cường khả năng thu hút các nguồn viện trợ từ các chương trình đài thọ của các nước trên thế giới như: Dự án phát triển tư pháp và sự tham gia từ cơ sở do Chính phủ Canada tài trợ (Dự án JUDGE), dự án hỗ trợ thi hành pháp luật về hội nhập kinh tế (USAID – Hoa Kỳ), Dự án hỗ trợ Học viện Tư pháp thí điểm nâng cao năng lực đào tạo các chức danh tư pháp làm việc với trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em bị hại và trẻ em có liên quan đến pháp luật trong các hoạt động về trợ giúp pháp lý (do SCS tài trợ)...., tiếp tục hoàn thiện xây dựng Học viện Tư pháp ngày càng phát triển để thực hiện mục tiêu đã đề ra là đào tạo cư dân luật hướng nghiệp và đào tạo sau đại học ở các giai đoạn tiếp theo.

*Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên*

Cần xây dựng kế hoạch quản lý, phát triển đội ngũ giảng viên bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm, xác định rõ thực trạng nguồn lực giảng từ đó làm cơ sở xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý và phát triển đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đội ngũ giảng viên cơ hữu cơ hữu của Học viện.

Xây dựng bảng tiêu chuẩn đánh giá giảng viên, Quy chế đánh giá giảng viên, đội ngũ giảng viên phải có kiến thức chuyên sâu, có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn, có năng lực nghiên cứu khoa học...

Kiến toàn bộ máy và xây dựng đội ngũ giảng viên của Học viện Tư pháp định hướng đến năm 2020 theo chiến lược cải cách tư pháp.

*Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức*

Tiếp tục thực hiện các thỏa thuận hợp tác mà Học viện Tư pháp đã tham gia ký kết như: Thỏa thuận hợp tác với Hội đồng công chứng tối cao Cộng hòa Pháp và Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, thỏa thuận hợp tác với Học viện Tư pháp quốc gia CHDCND Lào, thỏa thuận hợp tác với Học viện Hoàng gia về đào tạo nghề tư pháp thuộc Bộ Tư pháp Vương quốc Campuchia...

Mời chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam tổ chức các khoá đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu về đào tạo các chức danh tư pháp cho các chuyên gia, giảng viên và cán bộ trẻ của Học viện...

Lồng ghép các nội dung trong hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp vào các dự án do nước ngoài tài trợ với nhiều hình thức đa dạng. Có cơ chế huy động các tổ chức, cá nhân có năng lực, uy tín nước ngoài tham gia giảng dạy cho các khóa đào tạo và đặc biệt đối với các khóa cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, để từ đó nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.



## **Tiểu kết chương**

Tại chương 3 này, tác giả đã nêu một số quan điểm, mục tiêu và nhu cầu đào tạo các chức danh tư pháp. Để đạt được những mục tiêu này và hướng tới việc hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, tác giả đã đưa ra một số giải pháp sát với điều kiện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

Mặt khác tác giả cũng mạnh dạn nghiên cứu và kiến nghị, đề xuất cần xây dựng một số quy định về phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu một số quy định còn bất cập, chưa thống nhất ảnh hưởng tới công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp, từ đó cần tập chung công tác đào tạo và quản lý các chức danh tư pháp này về một đầu mối.

## KẾT LUẬN

Công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp là động lực chủ yếu quyết định thành công cho quá trình đổi mới hệ thống Tư pháp, cải cách tư pháp, góp phần to lớn vào công cuộc đổi mới của đất nước. Theo đó công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp là công việc được chú trọng, quan tâm hàng đầu và thường xuyên. Đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp không chỉ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu của một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp mà còn có tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội...

Để hoàn thành được nhiệm vụ cao cả mà Đảng, nhà nước giao thì đội ngũ cán bộ công chức trong hệ thống các cơ quan tư pháp đóng vai trò quyết định. Xác định được điều đó, Học viện Tư pháp luôn coi việc đào tạo các chức danh tư pháp là một trong những nội dung quan trọng của chiến lược cải cách tư pháp.

Lựa chọn đề tài **“Quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp thực tiễn từ Học viện Tư pháp”**, tác giả hướng tới mục đích nghiên cứu làm cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong vấn đề quản lý đào tạo các chức danh tư pháp, từ đó chỉ ra được các tồn tại, khó khăn, nguyên nhân trong công tác quản lý này.

Luận văn đã phân tích làm rõ một số cơ sở lý luận và thực tiễn về vị trí vai trò của các chức danh tư pháp, công tác đào tạo công tác quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam hiện nay. Chỉ ra những thành tựu và hạn chế, nguyên nhân của thành tựu và hạn chế đó.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với vai trò là một trong những cơ sở hành đầu về đào tạo các chức danh tư pháp, Học viện Tư pháp đã nghiên cứu về các nhu cầu của các cơ quan nhà nước, tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước, khảo sát chương trình chuẩn đầu ra của cán bộ có chức danh tư pháp, đảm bảo nguồn lực cho Học viện đào tạo và đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cấp của xã hội, phục vụ nhu cầu cấp thiết và hội nhập quốc tế. Để có đội ngũ cán bộ tư pháp có đạo đức trong sáng, có nghiệp vụ tinh thông, có kiến thức pháp luật giỏi thì trách nhiệm của các Cơ quan Bộ ngành và của Học viện Tư pháp trong vấn đề quản lý và đào tạo có trách nhiệm rất lớn. Công tác đào tạo của Học viện Tư pháp phải đảm bảo chất lượng thì ngành tư pháp mới có đội ngũ án bộ “vừa hồng, vừa chuyên”

Tác giả đi sâu vào phân tích, lập luận chỉ ra được những kết quả, đóng góp của công tác quản lý nhà nước trong đào tạo các chức danh tư pháp, trên cơ sở các Nghị quyết của Trung ương, các Quy định của Chính phủ trong việc chỉ ra đâu là đầu mối là đơn vị trọng tâm trong vấn đề quản lý và đào tạo các chức danh tư pháp.

Luận văn đã đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nhận thức được tầm quan trọng về quản lý đào tạo các chức danh tư pháp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy, cô giáo và bạn đọc.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002),
2. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002),
3. Bộ giáo dục Đào tạo (2005), Đề án Đổi mới giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Tư pháp (2007), *Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức tư pháp địa phương*, Đề tài khoa học cấp bộ.
5. Bộ Tư pháp (2008), *Phương pháp đào tạo các chức danh Tư pháp năm 2009 – Bộ Tư pháp*, (Khảo sát tháng 3/2008), Đề tài khoa học cấp bộ.
6. Lê Cẩm và Nguyễn Ngọc Chí (2004, đồng chủ biên), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Đăng Dung (2004), *Thế chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
8. Nguyễn Đăng Dung (2009), “*Cải cách tư pháp trong tổ chức quyền lực nhà nước*”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, số 25/2009.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đại học Luật Hà Nội (2006), *Đào tạo cán bộ pháp luật có trình độ cao phục vụ cho việc hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp bộ.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Đức Giao (Chủ biên), Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Đắc Bình (2000), *Giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Bộ Tư pháp.

13. 23. Hoàng Ngọc Giao (2009), *Cơ chế giải quyết khiếu nại - thực trạng và giải pháp*, Viện nghiên cứu chính sách pháp luật và phát triển, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Trần Thu Hạnh, *Một số giải pháp nâng cao vị thế của đội ngũ thẩm phán trong tổ tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội, Luật học 25 (2009), tr. 94-100.
15. Trần Thị Hiền (2010), “*Quá trình hình thành và phát triển tài phán hành chính ở nước ta*” trong sách “*Tài phán hành chính trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*” do PGS. TS. Nguyễn Như Phát và PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương đồng chủ biên, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Học viện Tư pháp (2003), *Đề án xây dựng*, ngày 11/8/2003.
17. Học viện Tư pháp (2004), *Xây dựng chương trình đào tạo kiểm sát viên – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
18. Học viện Tư pháp (2004), *Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng môn đạo đức nghề nghiệp tư pháp cho các chức danh tư pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ.
19. Học viện Tư pháp (2006), *Đào tạo các chức danh tư pháp phục vụ công cuộc cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
20. Học viện Tư pháp (2008), *Cơ sở lý luận thực tiễn xây dựng tập hệ thống hóa các vụ án điển hình dùng làm tài liệu cho công tác đào tạo các chức danh tư pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ.
21. Học viện Tư pháp (2009), *Hoàn thiện phương pháp đào tạo các chức danh tư pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ.
22. Học viện tư pháp, *Báo cáo về kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp giai đoạn 2005-2015 và phương hướng, nhiệm vụ*

*công tác đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2015-2020 của Học viện Tư pháp, số 496/BC- HVTP.*

23. Vũ Đình Hoè (2001), “*Tư pháp trong chế độ dân chủ mới*” trong cuốn “*Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*”, Nxb. Văn hoá thông tin - Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 5.
25. Trần Minh Hương (2007, chủ biên), *Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Bùi Nguyên Khánh (chủ nhiệm đề tài, 2010), *Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn từ nay đến 2020*, Viện Nhà nước và pháp luật.
27. Luật tổ chức Toà án nhân dân (2002)
28. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (2002)
29. Ưông Chu Lưu (chủ nhiệm đề tài) (2006), *Đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số KX.04.06: Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.*
30. C. Mác (1995), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội
31. Đinh Văn Minh (2010), “*Tài phán hành chính ở Việt Nam: Thực trạng và nhu cầu đổi mới*” trong sách “*Tài phán hành chính trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*” do PGS. TS. Nguyễn Như Phát và PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương đồng chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

32. Lê Văn Minh (2010), *Cải cách tư pháp trong tổ chức và hoạt động của Tòa án, Tham luận tại Hội nghị công tác tư pháp năm 2010.*
33. Phạm Duy Nghĩa (2011), *Cơ quan tư pháp trong bộ máy nhà nước đang chuyển đổi: góp một cách nhìn nhận và kiến nghị cải cách*, Tham luận tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW.
34. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật giáo dục đại học
35. Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 quy định chức năng quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nghị định chỉ rõ Bộ Tư pháp.
36. Nghị quyết 08 ngày 02/01/2002, *Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.*
37. Nghị quyết 49 ngày 02/6/2005, *Về chiến lược cải cách tư pháp đến hết năm 2020.*
38. Nguyễn Như Phát (2010), “Nhà nước pháp quyền bảo vệ quyền con người và tài phán hành chính” trong sách *"Tài phán hành chính trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay"* do PGS. TS. Nguyễn Như Phát và PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương đồng chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980), *Hiến pháp năm 1980.*
40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp năm 1992*
41. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp năm 1992.*

42. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.*
43. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật Tổ chức TAND năm 2002.*
44. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.*
45. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật luật sư (2006)*
46. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật tố tụng hành chính năm 2010.*
47. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật khiếu nại năm 2011.*
48. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011.*
49. Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”.
50. Quyết định số 2229/QĐ-BTP ngày 22/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Tư pháp.
51. Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 22/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tư pháp.
52. Nguyễn Duy Quý (chủ nhiệm đề tài, 2001), *Đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số KX.04-01: Cơ sở lý luận và thực tiễn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.*



53. Thông báo số 116-TB/TW ngày 27 tháng 12 năm 2012 về việc đào tạo cán bộ của ngành tòa án và ngành kiểm sát, hoạt động đào tạo các chức danh tư
54. Đỗ Gia Thư (2006), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật.
55. Vũ Thư (2005), “Sự hình thành và phát triển của tư pháp hành chính ở nước ta”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10/2005.
56. Vũ Thư (2006), “Về kiểm soát quyền lực hành pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12/2006.
57. Vũ Thư, Lê Hồng Sơn (2000), *Cải cách thủ tục hành chính thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân hiện nay*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
58. Nguyễn Phú Trọng, Trần Xuân Sâm (2003), *Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo số 210/TANDTC ngày 18 tháng 11 năm 2009 tổng kết thực tiễn 12 năm hoạt động giải quyết các vụ án hành chính của ngành Tòa án nhân dân*.
60. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2008), *Lý luận dạy đại học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
61. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2008), *Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
62. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2009), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
63. *Từ điển Giáo dục học* (2001), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

64. Nguyễn Danh Tú, *Kiến Toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán hành chính ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tháng 10/2012.
65. Đào Trí Úc (1994), *Nhà nước pháp quyền, những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
66. Đào Trí Úc (2000), “*Quan điểm và những đặc trưng cơ bản của mô hình tổng thể Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 3/2000.
67. Đào Trí Úc (2003), “*Cải cách tư pháp: ý nghĩa, mục đích và trọng tâm*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2003.
68. Đào Trí Úc (2004), *Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
69. Đào Trí Úc (chủ biên) (2005), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Đào Trí Úc (chủ nhiệm đề tài, 2002), *Đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số KX.04.02: Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trong giai đoạn 2001 – 2010*.
71. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm TAND năm 1993*.
72. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm TAND năm 2002*.
73. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2011), *Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm TAND năm 2011*.
74. Võ Khánh Vinh (2003), “*Mối quan hệ giữa xã hội, cá nhân, Nhà nước trong Nhà nước pháp quyền và vai trò của nó trong việc xác định mô*

*hình tổng thể Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2003.

75. Võ Khánh Vinh (2003), “*Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8/2003.